

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2018/DS-ST**

Ngày: 24/8/2018.

V/v “Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ba.
2. Ông Hồng Quang Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Loan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam** tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 về “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST-DS ngày 26/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2018/QĐST-DS ngày 25/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Trần Quý L, sinh năm 1979; là Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; Địa chỉ: Số 190 Hùng Vương, tổ dân phố Thuận An, thị trấn Đông Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. (*Văn bản ủy quyền số 1792/QĐ-NHCS ngày 09/6/2015 của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam*). Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1973. *Vắng mặt*.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hồng Quang T, sinh năm 1970. *Vắng mặt*.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Huỳnh Trần Quý L trình bày:

Vào ngày 30/6/2010, bà Trần Thị T, ông Hồng Quang T và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện Quế Sơn có ký khế ước vay tiền số 6000003300102679 với số tiền 8.000.000 đồng theo chương trình vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Mục đích vay: làm công trình nước sạch, công trình vệ sinh. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất 0,9%/tháng. Đến hạn trả nợ, bà T và ông T xin gia hạn nợ nên hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09/01/2018. Tuy nhiên, từ tháng 01/2017 đến nay, bà T và ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận, ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn và nhiều lần yêu cầu bà T và ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà T và ông T trốn tránh trách nhiệm, không chịu trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị T và ông Hồng Quang T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ với tổng số tiền là 8.046.101 đồng, trong đó số tiền gốc là 8.000.000 đồng, nợ lãi đến ngày 24/8/2018 là 46.101 đồng (nợ lãi trong hạn là 33.140 đồng, nợ lãi quá hạn là 12.961 đồng).

Bị đơn bà Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồng Quang T: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà T, ông T vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có yêu cầu được đưa ra xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồng Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Vào ngày 30/6/2010, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện Quế Sơn ký kết khế ước vay tiền số 6000003300102679 với bà Trần Thị T và ông Hồng Quang T; cùng địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Ông Hồng Quang T là người thừa kế theo hợp đồng vay. Nay bà T và ông T không thực hiện đúng cam kết của hợp đồng, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về hiệu lực của hợp đồng vay tài sản: Việc ký kết khế ước vay tiền số 6000003300102679 ngày 30/6/2010 giữa bà Trần Thị T và ông Hồng Quang T với Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện Quế Sơn là hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm ký kết, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam:

Ngày 30/6/2010, bà Trần Thị T, ông Hồng Quang T và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện Quế Sơn có ký kết khế ước vay tiền số 6000003300102679 với số tiền là 8.000.000 đồng. Ông Hồng Quang T là người thừa kế theo khế ước vay. Mục đích vay: làm công trình nước sạch, công trình vệ sinh. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất 0,9%/tháng. Sau nhiều lần gia hạn nợ và đến nay thời hạn vay đã hết. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc nhưng bà T, ông T trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo cam kết. Bà T, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng vay. Do đó, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc bà T và ông T phải trả nợ số tiền gốc 8.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà T và ông T đến làm việc nhưng bà T và ông T đều vắng mặt. Tại phiên tòa, bà T và ông T tiếp tục vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nêu quan điểm của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị T và ông Hồng Quang T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam với tổng số tiền là 8.046.101 đồng, trong đó số tiền gốc là 8.000.000 đồng, nợ lãi đến ngày 24/8/2018 là 46.101 đồng (nợ lãi trong hạn là 33.140 đồng, nợ lãi quá hạn là 12.961 đồng) là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5]. Về án phí: Bà Trần Thị T và ông Hồng Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đối với bà Trần Thị T và ông Hồng Quang T về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”.

1. Buộc bà Trần Thị T và ông Hồng Quang T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền là 8.046.101 (*Tám triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm lẻ một*) đồng, trong đó số tiền gốc là 8.000.000 đồng, nợ lãi đến ngày 24/8/2018 là 46.101 đồng (nợ lãi trong hạn là 33.140 đồng, nợ lãi quá hạn là 12.961 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T và ông Hồng Quang T phải chịu là 402.305 (*Bốn trăm lẻ hai nghìn ba trăm lẻ năm*) đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện Quế Sơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0006625 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/8/2018). Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Châu Thị Kim Phụng

